

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 34 Liên thông - Xây dựng cầu đường 3 **Ngành** : Xây dựng cầu đường

Hệ DT : Liên thông cao đẳng

Học Phần : Thí nghiệm Vật lý

Năm học : 2010 - 2011

Học Kỳ : 2 **ĐVHT** : 1

Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM	GHI CHÚ
1	3410101078	Phạm Huy	Bình	27/12/1987	7.0	
2	3410101079	Nguyễn Đình	Chiến	10/03/1984	7.0	
3	3410101080	Cao Đức	Công	04/01/1986	5.0	Học lại
4	3410101081	Phạm Xuân	Công	09/11/1990	6.0	
5	3410101082	Đặng Việt	Cường	28/08/1982	7.0	
6	3410101083	Nguyễn Nam	Dang	20/07/1986	7.0	
7	3410101084	Trương Cao	Duy	18/04/1986	6.0	
8	3410101085	Phan Quang	Đạt	10/08/1988	7.0	
9	3410101086	Võ Khắc	Điệp	16/07/1988	5.0	
10	3410101088	Phạm Hoàng	Đức	10/12/1990	6.0	
11	3410101089	Nguyễn Văn	Hiếu	01/11/1990	6.0	Học lại
12	3410101090	Phạm Chí	Hiếu	07/03/1985	7.0	
13	3410101091	Đậu Đức	Hoạt	09/10/1986	5.0	
14	3410101092	Trần Ngọc	Hóa	22/05/1981	5.0	
15	3410101093	Đặng Văn	Hùng	10/04/1988	5.0	
16	3410101094	Trần Văn	Hùng	01/09/1989	5.0	
17	3410101095	Phạm Quốc	Huy	14/04/1989	6.0	
18	3410101096	Nguyễn Lý	Huỳnh	30/12/1985	5.0	
19	3410101097	Bùi Anh	Khoa	21/06/1984	6.0	Học lại
20	3410101098	Trần Ngọc	Kiến	22/10/1989	6.0	Học lại
21	3410101099	Trần Hoàng	Linh	21/03/1985	7.0	
22	3410101100	Nguyễn Hữu	Long	12/05/1988	7.0	
23	3410101101	Nguyễn Ngọc	Long	29/05/1988	4.0	
24	3410101102	Nguyễn Văn	Luân	15/10/1990	5.0	
25	3410101103	Vũ Văn	Luân	21/01/1990	6.0	
26	3410101104	Lê Tấn	Minh	20/06/1988	5.0	
27	3410101105	Đinh Quý	Nam	05/04/1987	5.0	
28	3410101106	Bùi Văn	Ngoạn	05/01/1985	5.0	
29	3410101107	Lê Thành	Ngườn	15/03/1986	4.0	
30	3410101108	Nguyễn Thành	Nhân	03/12/1987	5.0	
31	3410101109	Cao Xuân	Phong	22/12/1981	5.0	
32	3410101110	Trương Văn	Phúc	02/06/1987	5.0	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM	GHI CHÚ
33	3410101111	Lương Văn	Quang	20/04/1986	5.0	
34	3410101112	Nguyễn Văn	Quân	05/10/1984	5.0	
35	3410101113	Phạm Hồng	Quy	06/06/1990	8.0	
36	3410101114	Nguyễn Thành	Rốt	1989	5.0	
37	3410101115	Hoàng Xuân	Sơn	18/02/1989	6.0	
38	3410101116	Mai Ngọc	Tấn	20/03/1987	5.0	
39	3410101117	Nguyễn	Thanh	07/11/1988	5.0	Học lại
40	3410101118	Trần Văn	Thân	04/12/1989	5.0	
41	3410101119	Ngô Văn	Thạch	18/10/1987	6.0	
42	3410101120	Nguyễn Duy	Thạch	06/02/1988	5.0	
43	3410101121	Cao Văn	Thảo	14/06/1988	5.0	
44	3410101122	Hồ Xuân	Thi	21/01/1987	5.0	
45	3410101123	Nguyễn Quang	Thiên	20/12/1989	6.0	
46	3410101124	Đặng Mậu	Thôi	03/01/1986	0.0	
47	3410101125	Võ Văn	Thọ	06/01/1986	6.0	
48	3410101126	Nguyễn Thành	Tiện	20/06/1988	6.0	
49	3410101127	Dương Duy	Toản	08/08/1989	0.0	
50	3410101128	Đặng Thế	Tôn	16/05/1987	6.0	
51	3410101129	Lê Thế	Trạch	10/10/1987	7.0	
52	3410101130	Dương Văn	Trình	16/04/1989	6.0	
53	3410101131	Nguyễn Tuấn	Trí	12/08/1986	0.0	
54	3410101132	Lê Văn	Trung	15/06/1990	6.0	
55	3410101133	Phan Bá	Tuấn	11/10/1984	6.0	
56	3410101134	Võ Văn	Tú	12/10/1984	8.0	
57	3410101135	Nguyễn Hữu	Tĩnh	20/10/1988	5.0	
58	3410101136	Lê Hồng	Tư	03/07/1987	8.0	
59	3410101137	Phan Văn	Tư	20/02/1988	7.0	
60	3410101138	Mai Phúc	Vinh	22/12/1985	6.0	
61	3410101139	Nguyễn Trường	Vinh	16/10/1989	0.0	Học lại
62	3410101140	Nguyễn Khắc	Vụ	10/03/1981	0.0	
63	3410101141	Đào Đức	Vĩnh	02/03/1989	5.0	

TPHCM, ngày/..../.....

Trưởng Khoa

GVBM

Giáo Vụ Khoa